

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2026/DS-PT
Ngày 16 - 9 - 2026
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Lương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trưởng

Ông Nguyễn Thành Công

hư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

ại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 181/2026/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lại Văn H, sinh năm 1981; số định danh cá nhân 036081004208 địa chỉ: Thôn K (Xóm C cũ), xã H, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Phan Thị Q, sinh năm 1981; số định danh cá nhân 034181000129 địa chỉ: Thôn K (Xóm C, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/01/2026). Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lại Văn C, sinh năm 1953; số định danh cá nhân 036053017187; địa chỉ: Thôn K (Xóm C xã H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lại Thị Kim A – Luật sư, Công ty L – Chi nhánh H6 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Lại Minh H1, sinh năm 1979; địa chỉ: định danh cá nhân C; Thôn C V, xã N, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lại Minh H1: Bà Nông Thị D – Luật sư, Công ty TNHH H7 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt

3.2. Chị Phan Thị Q, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn K (Xóm C cũ), xã H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

3.3. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1956; số định danh cá nhân 036156019895; địa chỉ: Xóm C, xã H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

3.4. Chị Lại Thị Minh H2, sinh năm 1996; số định danh cá nhân 036196012065; địa chỉ: Thôn K (Xóm C cũ), xã H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

3.5. Bà Vũ Thị K, sinh năm 1952; số định danh cá nhân 036152002076; địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

3.6. Bà Vũ Thị S, sinh năm 1961; số định danh cá nhân 036161012771 địa chỉ: Số A, tổ dân phố số C, xã C, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3.7. Anh Vũ Văn C1, sinh năm 1984; số định danh cá nhân 036084009675; địa chỉ: Xóm C, xã H, tỉnh Ninh Bình; Vắng mặt.

3.8. Chị Vũ Thị T1, sinh năm 1992; số định danh cá nhân 036192009550; địa chỉ: Tổ A T, phường H, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

3.9. Chị Vũ Thị T2; sinh năm 1995; số định danh cá nhân 036195002918; địa chỉ: Số A ngõ A đề T, phường H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lại Minh H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2026 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Lại Văn H trình bày:

Mẹ đẻ của anh Lại Văn H là bà Vũ Thị K, sinh năm 1956, chết ngày 19/02/1992, bố anh là ông Lại Văn C, sinh năm 1953. Ông C và bà K 02 người con đẻ gồm: chị Lại Thị H3 và anh Lại Văn H, không có con nuôi. Sau khi bà K chết, ông C kết hôn với bà Trịnh Thị T, sinh ra chị Lại Thị Minh H2. Bà K không có con riêng, khi chết không để lại di chúc.

Bố đẻ bà K là cụ Vũ Văn T3, chết ngày 22/10/1989, mẹ đẻ bà K là cụ Vũ Thị T4, chết ngày 12/3/2017. Cụ Vũ Văn T3 và cụ Vũ Thị Thế S1 được 05 người con gồm: bà Vũ Thị H4 (đã chết ngày 15/5/2012 không có chồng con), bà Vũ Thị K (lớn), bà Vũ Thị K (mẹ đẻ của anh H), ông Vũ Văn T5 (đã chết ngày 07/4/2014) và

bà Vũ Thị S. Ông Vũ Văn T5 có vợ là bà Trần Thị C2 và sinh được 03 người con gồm anh Vũ Văn C1, chị Vũ Thị T1 và chị Vũ Thị T2.

Quá trình chung sống, Ông C và bà K có tạo lập được thửa đất số 808, tờ bản đồ số 23 (tờ số 5 xã H cũ) diện tích 34m² (đất ONT) vị trí tại xóm C, xã H, tỉnh Ninh Bình đã được UBND huyện H, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 520117 ngày 22/5/1997, trên đất bố mẹ để của anh có xây 01 nhà mái bằng 02 tầng vào năm 1988. Năm 2010, ông C và bà T đã xây nhà ra ở nơi khác và giao lại nhà đất cho anh H quản lý, sử dụng từ đó đến nay. Năm 2021, anh H có cải tạo, sửa chữa lại nhà hết khoảng 40.000.000đ. Năm 2025, ông C họp bàn sang tên nhà đất cho anh H, nhưng chị Lại Thị H3 không đồng ý nên đã xảy ra tranh chấp.

Anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia tài sản chung của ông Lại Văn C và bà Vũ Thị K theo quy định pháp luật. ½ sản chung của ông Lại Văn C tặng cho anh H, anh nhất trí nhận và không phải thanh toán giá trị cho ông C.

- Đối với di sản thừa kế là 1/2 tài sản tại thửa đất số 808, tờ bản đồ số 23 (tờ số 5 xã H cũ) diện tích 34m² (): 2 vị trí tại xóm C, xã H, tỉnh Ninh Bình. Anh H yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với phần di sản của bà Vũ Thị K để giao cho anh H là người thừa kế đang trực tiếp quản lý di sản được quyền sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phan Thị Q đứng về phía nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có lời khai thống nhất với ý kiến của nguyên đơn, đề nghị giao toàn bộ tài sản là tài sản chung và di sản thừa kế cho anh Lại Văn H5 đứng tên sở hữu, sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2026, bị đơn ông Lại Văn C trình bày:

Ông C thống nhất với lời trình bày của anh Lại Văn H về mối quan hệ huyết thống; về thời điểm bà K chết; bà K chết không để lại di chúc.

Ông Chiến công N ông C và bà K có 01 thửa đất tại xóm C, xã H hiện ông C đã giao nhà đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H quản lý, sử dụng. Ông C đồng ý chia di sản thừa kế của bà K theo quy định của pháp luật. Đối với ½ tài sản chung của ông C với bà K, ông C xin tặng lại cho anh Lại Văn H vì anh H là con trai duy nhất của ông C, ông C không yêu cầu anh H thanh toán giá trị cho ông. Ông C đồng ý áp dụng thời hiệu khởi kiện chia di sản của bà K, do đã hết thời hiệu chia thừa kế nên nhất trí giao toàn bộ di sản thừa kế của bà K cho anh H quản lý, sử dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2026 và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lại Minh H1 trình bày:

Chị Lại Minh H1 thống nhất với lời trình bày của anh Lại Văn H về mối quan hệ huyết thống; về thời điểm bà K chết. Chị H1 đồng ý chia di sản thừa kế của bà K và chia tài sản chung của ông C. Nguyên vọng của chị nhận toàn bộ di sản thừa kế của bà K bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và thanh toán giá trị cho những người được hưởng di sản thừa kế của bà K. Đối với $\frac{1}{2}$ tài sản chung của ông C, do diện tích đất nhỏ hẹp không tách thửa được nên chị H1 cũng thanh toán bằng giá trị cho ông C. Mục đích của chị H1 muốn nhận bằng hiện vật để làm nơi thờ cúng.

Tại bản tự khai ngày 11/3/2026 và ngày 23/3/2026 của bà Vũ Thị K và bà Vũ Thị S cùng thống nhất trình bày.

Bà Vũ Thị K và bà Vũ Thị S thừa nhận các quan hệ huyết thống gia đình như đơn khởi kiện của anh H. Cụ Vũ Văn T3, chết ngày 22/10/1989 và cụ Vũ Thị T4, chết ngày 12/3/2017. Bố mẹ các bà sinh được 05 người con gồm: Bà H4, bà K (lớn), bà K (nhỏ), ông T5 và bà S. Do cụ bà T4 chết sau bà K nên được hưởng thừa kế của bà K, đến nay cụ bà T4 cũng đã chết nên các bà được hưởng thừa kế chuyển tiếp của cụ T4. Quan điểm của bà Vũ Thị K và bà Vũ Thị S nếu được chia thừa kế, bà Vũ Thị K và bà Vũ Thị S xin nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và tặng lại anh Lại Văn H, không yêu cầu anh H thanh toán giá trị.

Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Vũ Văn C1, chị Vũ Thị T1 và chị Vũ Thị T2 thống nhất trình bày:

Anh Vũ Văn C1, chị Vũ Thị T1 và chị Vũ Thị T2 là con của ông Vũ Văn T5 đã chết năm 2014. Anh Vũ Văn C1, chị Vũ Thị T1 và chị Vũ Thị T2 đều thống nhất về quan hệ huyết thống gia đình, thời điểm ông Vũ Văn T5, cụ Vũ Văn T3 và cụ Vũ Thị T4 chết. Do cụ T4 bà chết sau bà Vũ Thị K nên được hưởng 01 suất thừa kế là di sản của bà K để lại. Ông Vũ Văn T5 là con của cụ bà T4, chết trước cụ T4 nên Anh Vũ Văn C1, chị Vũ Thị T1 và chị Vũ Thị T2 được hưởng thừa kế thế vị của ông T5. Anh Vũ Văn C1, chị Vũ Thị T1 và chị Vũ Thị T2 đồng ý chia di sản thừa kế của bà K và xin nhận suất thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và tặng lại cho anh Lại Văn H, không yêu cầu anh H thanh toán giá trị.

Tại bản tự khai ngày 11/3/2026 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị T và chị Lại Thị Minh H2 thống nhất trình bày:

Bà T là vợ thứ 2 của ông Lại Văn C; chị H2 là con gái của ông C và bà T. Bà T và chị H2 không có ý kiến gì về đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của anh Lại Văn H. Đối với thửa đất số 808, tờ bản đồ số 23 (tờ số 5 xã H cũ) diện tích 34m² (đất ONT) vị trí tại xóm C, xã H, tỉnh Ninh Bình đã được UBND huyện H, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/5/1997 đứng tên hộ ông Lại Văn C. Bà T và chị H2 khẳng định đây là tài sản và di sản của ông C và bà K. Bà T và chị H2 không có công sức đóng góp gì đối với khối tài sản này nên bà T và chị

H2 không yêu cầu được chia tài sản và chia di sản thừa kế.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 181/2026/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 236, 611, 612, 613, 623, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 184; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lại Văn H về việc chia di sản thừa kế đối với bà Vũ Thị K và chia tài sản chung giữa ông C và bà K.

2. Xác nhận tài sản chung của ông Lại Văn C và bà Vũ Thị K là 34m² đất thuộc thửa số 808 tờ bản đồ số 23 (tờ số 5 xã H cũ) trị giá là 578.000.000 đồng.

Ông Lại Văn C và bà Vũ Thị K, mỗi người được quyền sở hữu, sử dụng 1/2 khối tài sản chung là 17m² đất trị giá là 289.000.000đ (Hai trăm tám mươi chín nghìn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lại Văn C tặng cho toàn bộ tài sản chung của ông C cho anh Lại Văn H và không yêu cầu anh H thanh toán giá trị.

4. Chia cho anh Lại Văn H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 34m² đất (loại đất ONT) thuộc thửa số 808, tờ bản đồ số 23 (tờ 5 xã H cũ) vị trí tại xóm C, xã H, tỉnh Ninh Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 520117 ngày 22/5/1997 đứng tên hộ ông Lại Văn C có trị giá là 578.000.000đ (Năm trăm bảy mươi tám triệu đồng) và được sở hữu tài sản gắn liền với đất do ông C, bà K xây dựng. Ranh giới đất được giới hạn bởi các điểm mốc (1,2,3,4,5,6,7,8,9,1).

(Có sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất kèm theo bản án).

5. Anh Lại Văn H có trách nhiệm đăng ký quyền sử dụng đất được chia theo quyết định của bản án tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai.

6. Về nghĩa vụ bàn giao: Anh Lại Văn H đang quản lý diện tích đất và tài sản gắn liền với đất được chia theo quyết định của bản án nên không phải thực hiện nghĩa vụ bàn giao tài sản.

7. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lại Văn C.

- Anh Lại Văn H phải nộp 14.450.000.000đ (Mười bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án cho các đương sự.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 03/6/2026, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lại Minh H1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 181/2026/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình với lý do Bản án sơ thẩm chưa xem xét đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ một cách toàn diện khách quan. Chị H1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm giao toàn bộ quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của bà K và của ông C cho chị H1. Chị H1 thanh toán bằng giá trị cho ông C và những người được hưởng thừa kế của bà K.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Quá trình giải quyết phúc thẩm vụ án, Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc triệu tập những người tham gia phiên tòa đều đảm bảo theo các điều 286, 290, 292, 294 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự, thực hiện đúng quy định tại các điều 173, 175 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 điều 308, điều 147, điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Lại Minh H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 181/2026/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình. Chị Lại Minh H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về thừa kế tài sản và chia tài sản chung là đúng quy định tại khoản 5 Điều

26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ những người tham gia tố tụng.

[1.2] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hợp lệ, đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Về đảm bảo quyền tham gia phiên tòa phúc thẩm: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai thể hiện quan điểm của mình trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến kết quả của phiên tòa phúc thẩm. Do đó, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[1.4]. Về phạm vi xét xử phúc thẩm:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Do đó, căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bản án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “ *Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế*”. Bà Vũ Thị K chết ngày 19/02/1992 nên đến ngày 20/01/2026 anh Lại Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng đất thì thời hiệu chia di sản của bà Vũ Thị K đã hết. Nguyên đơn, anh Lại Văn H có yêu cầu áp dụng thời hiệu chia di sản của bà Vũ Thị K trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án giải quyết vụ án nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của anh H là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Các đương sự đều thống nhất: Ông C và bà K là vợ chồng hợp pháp có 02 người con đẻ gồm: chị Lại Thị H3 và anh Lại Văn H, không có con nuôi. Sau khi bà K chết, ông C kết hôn với bà Trịnh Thị T, sinh ra chị Lại Thị Minh H2. Bà K không có con riêng. Bà Vũ Thị K chết ngày 19/02/1992, khi chết không để lại di chúc.

Bố đẻ bà K là cụ Vũ Văn T3, chết ngày 22/10/1989, mẹ đẻ bà K là cụ Vũ Thị T4, chết ngày 12/3/2017. Cụ Vũ Văn T3 và cụ Vũ Thị T4 có 05 người con gồm: bà Vũ Thị H4 (đã chết ngày 15/5/2012, không có chồng con), bà Vũ Thị K (lớn), bà Vũ Thị K (mẹ đẻ của anh H), ông Vũ Văn T5 (đã chết ngày 07/4/2014) và bà Vũ Thị S. Ông Vũ Văn T5 có vợ là bà Trần Thị C2 và sinh được 03 người con gồm anh Vũ Văn C1, chị Vũ Thị T1 và chị Vũ Thị T2.

[2.2] Tài sản chung của ông C và bà K được giao cho nguyên đơn anh H quản lý sử dụng từ năm 2010, anh H đã cải tạo sửa chữa lại nhà để sử dụng. Từ năm 2010 đến năm 2025 (thời điểm gia đình hợp bàn sang tên cho anh H) chị H3 không có ý kiến phản đối, những người thừa kế khác của bà K đều thống nhất giao cho anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: bà Trịnh Thị T, chị Lại Thị Minh H2, bà Vũ Thị K (lớn), bà Vũ Thị S, bà Trần Thị C2, anh Vũ Văn C1, chị Vũ Thị T1 và chị Vũ Thị T2 đều thống nhất với ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

Nguyên đơn, anh Lại Văn H là người thừa kế đang quản lý di sản của bà K có yêu cầu áp dụng thời hiệu chia di sản của bà Vũ Thị K ngày 26/01/2026 (Biên bản lấy lời khai đương sự BL22), trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án giải quyết vụ án. Do đó, Bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 *“ Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó ”*, để xác định thời hiệu chia di sản của bà Vũ Thị K đã hết để quyết định giao toàn bộ di sản thừa kế của bà K cho anh H là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lại Văn C tặng cho anh H toàn bộ phần tài sản của ông C trong khối tài sản chung của ông C và bà K. Việc tặng cho của ông Lại Văn C là tự nguyện, không trái pháp luật. Bản án sơ thẩm ghi nhận nội dung này là phù hợp quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về đề nghị của chị H3 tại đơn kháng cáo với nội dung giao toàn bộ quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của bà K và của ông C cho chị H3. Chị H3 thanh toán bằng giá trị cho ông C và những người được hưởng thừa kế của bà K. Đề nghị của Chị H3 không được anh H và ông C chấp nhận nên không có cơ sở để xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H3 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H3 cho rằng quyền sử dụng đất của thửa số 808, tờ bản đồ số 23 (tờ 5 xã H cũ) vị trí tại xóm C, xã H, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L520117 ngày 22/5/1997 đứng tên hộ ông Lại Văn C nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, sau khi chị H3 có đơn đề nghị yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ ngày 23/8/2026, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã có quyết định yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp các tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L520117. Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh N – Chi nhánh H6, Ủy ban nhân dân xã H đã cung cấp toàn bộ các tài liệu chứng cứ có liên quan theo yêu cầu của Tòa án. Theo các tài liệu thu thập được tại Bản đồ địa chính, sổ địa chính và sổ mục kê, Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 01/01/1997 đều mang tên ông Lại Văn C. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định quyền sử dụng đất của thửa số 808, tờ

bản đồ số 23 (tờ 5 xã H cũ) được giao cho ông C. Mặt khác, tại cấp sơ thẩm chị H3 và những người liên quan khác đều xác định quyền sử dụng đất của thửa số 808, tờ bản đồ số 23 (tờ 5 xã H cũ) là của ông C và bà K. Do đó, bản án sơ thẩm xác định diện tích 34m² đất (loại đất ONT) thuộc thửa số 808, tờ bản đồ số 23 (tờ 5 xã H cũ) vị trí tại xóm C, xã H, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 520117 ngày 22/5/1997 đứng tên hộ ông Lại Văn C và tài sản gắn liền với thửa đất do ông C, bà K xây dựng là tài sản chung của ông C và bà K là có cơ sở. Vì vậy toàn bộ nội dung kháng cáo của chị H3 không có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận,

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà người kháng cáo đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lại Minh H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 181/2026/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Lại Minh H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà chị H1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001696 ngày 05/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình (1);
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình (2);
- THADS tỉnh Ninh Bình (1);
- Các đương sự (10);
- Phòng GD, KTr, TTr-THA (1);
- Phòng TCCB (1);
- Lưu VT, TDS, hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Huy Lương

